

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

TRƯỜNG THPT HÒA VANG

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỂM CHUẨN VÀO LỚP 10 THPT

(Danh sách sắp xếp theo thứ tự điểm xét tuyển từ cao xuống thấp - Đủ điểm chuyển nguyện vọng 1)

(Kèm theo Công văn số 1808/SGDDT-QLCL ngày 15/6/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Đà Nẵng)

TT	Học sinh trường	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	HT6	RL6	HT7	RL7	HT8	RL8	HT9	RL9	Điểm			Điểm số các bài thi			Điểm xét tuyển (1)+(2)+(3) +(4)+(5)+(6)	Số báo danh/ Tên Hội đồng coi thi
													RL, HT 4 năm (1)	UT (2)	KK (3)	Ngữ văn (4)	Ngoại ngữ (5)	Toán (6)		
1	THCS Nguyễn Hồng ánh	BÙI PHAN NHẬT	ÁNH	08/08/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00		1,5	8,00	9,00	9,50	38,00	080132-THPT Phan Châu Trinh
2	THCS Nguyễn Văn Linh	NGÔ THỊ HẠNH	DUNG	14/01/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			8,50	9,75	9,25	37,50	030222-THPT Cẩm Lệ
3	THCS,THPT Nguyễn Khuyến	NGUYỄN LÊ MAI	THƯ	10/04/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			8,50	9,00	9,50	37,00	031578-THCS &THPT Nguyễn Khuyến
4	THCS Nguyễn Văn Linh	NGUYỄN LÊ NHẬT	MINH	25/06/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			8,00	9,50	9,25	36,75	030905-THCS &THPT Nguyễn Khuyến
5	THCS Trần Quý Cáp	NGUYỄN HUỲNH	ĐỨC	09/09/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			8,25	9,50	9,00	36,75	030320-THPT Cẩm Lệ
6	THCS Nguyễn Công Trứ	NGUYỄN ĐÌNH NHẬT	HUY	15/11/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			8,50	8,63	9,50	36,63	080640-THPT Phan Châu Trinh
7	THCS Huỳnh Thúc Kháng	NGUYỄN MAI	ANH	29/03/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			8,75	8,75	9,00	36,50	030059-THPT Cẩm Lệ
8	THCS Đặng Thai Mai	LÊ TRẦN MINH	TÍN	09/02/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00		0,5	7,25	9,25	9,50	36,50	031639-THPT Nguyễn Văn Thoại
9	THCS Nguyễn Công Trứ	TRỊNH NGỌC THIÊN	AN	09/07/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			8,25	9,13	9,00	36,38	030026-THPT Cẩm Lệ
10	THCS Nguyễn Hồng ánh	PHAN PHỤNG ANH	BẢO	19/01/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,25	9,63	9,25	36,13	030122-THPT Cẩm Lệ
11	THCS Nguyễn Văn Linh	PHAN NGUYỄN THU	GIANG	28/05/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			8,25	8,88	9,00	36,13	030327-THPT Cẩm Lệ
12	THCS Tây Sơn	LÊ VŨ HIỀN	TRANG	14/07/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,75	9,00	9,25	36,00	081949-THCS Lý Thường Kiệt
13	THCS Nguyễn Phú Hường	HOÀNG NGUYỄN HOÀI	AN	15/09/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,75	9,00	9,25	36,00	080011-THPT Phan Châu Trinh
14	THCS Nguyễn Thiện Thuật	VŨ THÀNH	ĐẠT	01/06/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,50	8,75	9,75	36,00	080368-THPT Phan Châu Trinh
15	THCS Đặng Thai Mai	MAI HOÀNG	ANH	04/01/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,75	8,63	9,50	35,88	030050-THPT Cẩm Lệ
16	THCS Nguyễn Đình Chiểu	TRẦN HOÀNG	AN	10/11/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,25	9,00	9,50	35,75	080037-THPT Phan Châu Trinh
17	THCS Hồ Nghinh	TRẦN TRUNG	NGHĨA	05/01/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00	1,0		8,00	8,50	8,25	35,75	031013-THCS &THPT Nguyễn Khuyến
18	THCS Nguyễn Phú Hường	NGUYỄN ĐỨC	LỘC	22/04/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,25	9,00	9,50	35,75	030844-THPT Phan Thành Tài
19	THCS Nguyễn Văn Linh	ĐỒNG THỊ BÍCH	LAN	05/03/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			8,50	9,00	8,25	35,75	030761-THPT Phan Thành Tài
20	THCS Nguyễn Thiện Thuật	NGUYỄN GIA	BẢO	20/08/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,50	9,00	9,25	35,75	030111-THPT Cẩm Lệ
21	THCS Nguyễn Hồng ánh	NGUYỄN BẢO	QUYÊN	11/05/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,50	9,75	8,25	35,50	031342-THCS &THPT Nguyễn Khuyến
22	THCS Nguyễn Văn Linh	LIÊN QUANG	LÂM	18/05/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,50	9,00	9,00	35,50	030769-THPT Phan Thành Tài
23	THCS Nguyễn Văn Linh	LÊ TẤT THÀNH	TRUNG	20/08/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,50	8,75	9,25	35,50	082045-THCS Lý Thường Kiệt
24	THCS Nguyễn Văn Linh	TRẦN LÊ QUỐC	TRUNG	10/03/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,75	9,50	9,25	35,50	031775-THPT Nguyễn Văn Thoại
25	THCS Nguyễn Thiện Thuật	ĐOÀN NGUYỄN BẢO	CHÂU	08/12/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,50	9,50	9,50	35,50	030153-THPT Cẩm Lệ
26	THCS Nguyễn Công Trứ	PHAN THỊ KIỀU	CHINH	07/05/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,00	9,00	9,50	35,50	030184-THPT Cẩm Lệ
27	THCS Đặng Thai Mai	NGUYỄN NGUYỄN BĂNG	BĂNG	02/09/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,75	9,25	9,50	35,50	080193-THPT Phan Châu Trinh
28	THCS Nguyễn Bình Khiêm	LÊ NHO MINH	QUANG	07/04/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,25	8,88	9,25	35,38	031310-THCS &THPT Nguyễn Khuyến
29	THCS Đỗ Thúc Tịnh	NGUYỄN VIỆT	BẢO	28/07/2010	K	T	T	T	T	T	T	T	9,75			8,00	8,88	8,75	35,38	030118-THPT Cẩm Lệ
30	THCS Nguyễn Công Trứ	BÙI DUY TIẾN	CUÔNG	27/09/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,25	9,38	8,75	35,38	030198-THPT Cẩm Lệ
31	THCS,THPT Nguyễn Khuyến	ĐỖ HUỆ	ANH	13/06/2010	T	T	K	T	T	T	T	T	9,75			8,50	8,25	8,75	35,25	030032-THPT Cẩm Lệ
32	THCS Nguyễn Hồng ánh	NGUYỄN ANH	THƯ	20/09/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			8,00	8,25	9,00	35,25	031572-THCS &THPT Nguyễn Khuyến
33	TH, THCS Đức Trí	NGUYỄN THÙY	DƯƠNG	03/06/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,75	8,00	9,25	35,00	030274-THPT Cẩm Lệ
34	THCS Hồ Nghinh	TRẦN ĐẶNG KHÁNH	GIANG	14/10/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,50	9,50	8,00	35,00	030328-THPT Cẩm Lệ
35	THCS Nguyễn Hồng ánh	HOÀNG MINH	ANH	02/11/2010	K	T	K	T	T	T	T	T	9,50	1,5		6,75	8,50	8,75	35,00	030036-THPT Cẩm Lệ
36	THCS Nguyễn Phú Hường	NGUYỄN ĐỨC	THỊNH	13/12/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,00	9,00	10,00	35,00	081802-THCS Kim Đồng

Trang 1

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỂM CHUẨN VÀO LỚP 10 THPT
TRƯỜNG THPT HÒA VANG

(Danh sách sắp xếp theo thứ tự điểm xét tuyển từ cao xuống thấp - Đủ điểm chuyển nguyện vọng 1)
(Kèm theo Công văn số 1808/SGDĐT-QLCL ngày 15/6/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Đà Nẵng)

TT	Học sinh trường	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	HT6	RL6	HT7	RL7	HT8	RL8	HT9	RL9	Điểm			Điểm số các bài thi			Điểm xét tuyển (1)+(2)+(3) +(4)+(5)+(6)	Số báo danh/ Tên Hội đồng coi thi
													RL, HT 4 năm (1)	UT (2)	KK (3)	Ngữ văn (4)	Ngoại ngữ (5)	Toán (6)		
37	THCS Nguyễn Văn Linh	NGUYỄN THỊ THANH	HUỆ	06/07/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,25	8,25	9,50	35,00	080613-THPT Phan Châu Trinh
38	THCS Nguyễn Thiện Thuật	BÙI GIA	HUY	04/01/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,75	8,75	8,50	35,00	080614-THPT Phan Châu Trinh
39	THCS Nguyễn Thiện Thuật	NGUYỄN LÂM TỊNH	VĂN	02/11/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,50	9,00	8,50	35,00	082159-THCS Lý Thường Kiệt
40	THCS Đặng Thai Mai	TRẦN TIỂU	VY	27/06/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,25	9,25	9,50	35,00	031933-THPT Nguyễn Văn Thoại
41	THCS Đặng Thai Mai	TRẦN NGUYỄN HOÀI	NAM	07/08/2010	K	T	T	T	T	T	T	T	9,75			6,50	9,13	9,50	34,88	030972-THCS &THPT Nguyễn Khuyến
42	THCS Hồ Nghinh	ĐỖ TUỜNG	VY	23/01/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,25	8,50	9,00	34,75	031912-THPT Nguyễn Văn Thoại
43	THCS Nguyễn Bình Khiêm	VÕ VĂN	HUNG	24/05/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,50	8,75	8,50	34,75	030621-THPT Phan Thành Tài
44	THCS Nguyễn Hồng ánh	NGÔ BẢO	LÂM	28/06/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,50	8,25	10,00	34,75	080982-THCS Trưng Vương
45	THCS Nguyễn Văn Linh	NGUYỄN ĐỨC BẢO	CHÂU	02/01/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,50	9,25	9,00	34,75	080224-THPT Phan Châu Trinh
46	THCS Nguyễn Phú Hường	NGUYỄN NGỌC THIÊN	NHÂN	02/07/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,50	9,25	9,00	34,75	031102-THCS &THPT Nguyễn Khuyến
47	THCS Nguyễn Phú Hường	TRẦN THỊ THẢO	NHI	25/03/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,75	8,25	8,75	34,75	031152-THCS &THPT Nguyễn Khuyến
48	THCS Nguyễn Phú Hường	LÊ TRẦN PHƯƠNG	TRÚC	29/01/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,50	9,25	9,00	34,75	031780-THPT Nguyễn Văn Thoại
49	THCS Nguyễn Văn Linh	TRẦN VŨ QUỲNH	NGUYỄN	04/07/2010	K	T	T	T	T	T	T	T	9,75			8,50	7,25	9,25	34,75	031087-THCS &THPT Nguyễn Khuyến
50	THCS Nguyễn Văn Linh	NGUYỄN HOÀNG	QUYÊN	01/01/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,00	9,00	8,75	34,75	031344-THCS &THPT Nguyễn Khuyến
51	THCS Nguyễn Thiện Thuật	HUỲNH THÁI PHƯƠNG	UYÊN	14/09/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,25	9,50	8,00	34,75	031848-THPT Nguyễn Văn Thoại
52	THCS Nguyễn Thị Định	ĐOÀN NGỌC KHÁNH	NHI	10/02/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,50	9,50	8,75	34,75	031124-THCS &THPT Nguyễn Khuyến
53	THCS Đặng Thai Mai	NGUYỄN VĂN	PHÁP	16/09/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,25	8,75	8,75	34,75	081526-THCS Kim Đồng
54	THCS,THPT Nguyễn Khuyến	NGUYỄN TRẦN DIỆU	MINH	23/03/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			8,25	8,50	7,75	34,50	081145-THCS Trưng Vương
55	THCS Nguyễn Đình Chiểu	ĐỖ NGỌC HẠNH	NGUYỄN	23/02/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,75	8,50	9,25	34,50	031060-THCS &THPT Nguyễn Khuyến
56	THCS Nguyễn Phú Hường	NGUYỄN MINH	HÀNG	31/07/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			8,00	8,00	8,50	34,50	030375-THPT Cẩm Lệ
57	THCS Nguyễn Phú Hường	NGÔ QUANG	NHÂN	10/05/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,50	8,75	9,25	34,50	081424-THCS Trưng Vương
58	THCS Nguyễn Phú Hường	ĐẶNG THỊ DIỆU	THẢO	10/02/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,75	8,25	8,50	34,50	031452-THCS &THPT Nguyễn Khuyến
59	THCS Phạm Văn Đồng	NGUYỄN TRẦN KHÁNH	NGỌC	12/07/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,25	8,75	9,50	34,50	081313-THCS Trưng Vương
60	THCS Nguyễn Văn Linh	TRÀ THÁI	BẢO	01/01/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			8,25	8,25	8,00	34,50	080180-THPT Phan Châu Trinh
61	THCS Nguyễn Văn Linh	PHAN HOÀNG NGUYỆT	CÁT	12/01/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,75	9,75	7,00	34,50	030150-THPT Cẩm Lệ
62	THCS Nguyễn Văn Linh	ĐOÀN BẢO	KHA	19/05/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,00	9,75	7,75	34,50	030629-THPT Phan Thành Tài
63	THCS Nguyễn Công Trứ	VŨ HUYỀN	DIỆP	09/07/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,25	8,75	9,50	34,50	030210-THPT Cẩm Lệ
64	THCS Nguyễn Thiện Thuật	PHAN QUỲNH	SƯƠNG	10/05/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			8,00	9,13	7,25	34,38	031403-THCS &THPT Nguyễn Khuyến
65	THCS,THPT Nguyễn Khuyến	TUỖNG LAN	ANH	12/01/2010	K	T	T	T	T	T	T	T	9,75			6,50	9,50	8,50	34,25	030083-THPT Cẩm Lệ
66	THCS,THPT Nguyễn Khuyến	TRẦN NGUYỄN NGỌC	HÂN	15/11/2010	K	T	T	T	K	T	T	T	9,50			8,00	8,50	8,25	34,25	030397-THPT Cẩm Lệ
67	THCS,THPT Nguyễn Khuyến	HỒ BẢO	NGUYỄN	27/02/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,00	8,00	9,25	34,25	081350-THCS Trưng Vương
68	THCS,THPT Nguyễn Khuyến	VŨ GIA	KHÁNH	26/12/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,25	9,50	7,50	34,25	030685-THPT Phan Thành Tài
69	TH, THCS & THPT Việt	TRẦN THỊ THỤC	QUYÊN	06/09/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,75	9,75	7,75	34,25	031351-THCS &THPT Nguyễn Khuyến
70	THCS Nguyễn Văn Linh	NGUYỄN TRẦN GIA	AN	04/02/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,00	9,50	7,75	34,25	080028-THPT Phan Châu Trinh
71	THCS Nguyễn Văn Linh	LÊ TUẤN	TÚ	24/06/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,50	8,25	9,50	34,25	082095-THCS Lý Thường Kiệt
72	THCS Nguyễn Văn Linh	TRẦN	HOÀN	29/01/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,75	8,75	8,75	34,25	030448-THPT Phan Thành Tài

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỂM CHUẨN VÀO LỚP 10 THPT
TRƯỜNG THPT HÒA VANG

(Danh sách sắp xếp theo thứ tự điểm xét tuyển từ cao xuống thấp - Đủ điểm chuyển nguyện vọng 1)
(Kèm theo Công văn số 1808/SGDDT-QLCL ngày 15/6/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Đà Nẵng)

TT	Học sinh trường	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	HT6	RL6	HT7	RL7	HT8	RL8	HT9	RL9	Điểm			Điểm số các bài thi			Điểm xét tuyển (1)+(2)+(3) +(4)+(5)+(6)	Số báo danh/ Tên Hội đồng coi thi
													RL, HT 4 năm (1)	UT (2)	KK (3)	Ngữ văn (4)	Ngoại ngữ (5)	Toán (6)		
73	THCS Nguyễn Thiện Thuật	HỒ DUY	KHÁNH	05/10/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,50	9,75	8,00	34,25	080807-THPT Phan Châu Trinh
74	THCS Nguyễn Thiện Thuật	LÊ THỊ PHƯƠNG	TRINH	18/06/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,75	8,50	9,00	34,25	031737-THPT Nguyễn Văn Thoại
75	THCS Nguyễn Thị Định	NGUYỄN ĐÌNH	PHÚC	16/01/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,25	8,50	8,50	34,25	031256-THCS & THPT Nguyễn Khuyến
76	THCS Đặng Thai Mai	TRẦN PHƯỚC	TOÀN	15/12/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,75	7,50	10,00	34,25	031645-THPT Nguyễn Văn Thoại
77	THCS Nguyễn Văn Linh	NGUYỄN PHAN HOÀI	TRÂM	04/09/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,75	7,75	9,50	34,00	081974-THCS Lý Thường Kiệt
78	THCS Nguyễn Phú Hường	PHAN LÊ NHẬT	HUNG	13/12/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,25	8,75	9,00	34,00	030611-THPT Phan Thành Tài
79	THCS Nguyễn Văn Linh	NGUYỄN QUỐC	TRÍ	13/02/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,75	9,50	7,75	34,00	031755-THPT Nguyễn Văn Thoại
80	THCS Nguyễn Văn Linh	VUÔNG MINH	KHANG	18/08/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,00	9,25	7,75	34,00	030655-THPT Phan Thành Tài
81	THCS Nguyễn Thiện Thuật	NGUYỄN KHÁNH	QUỲNH	01/01/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,75	9,00	8,25	34,00	031367-THCS & THPT Nguyễn Khuyến
82	THCS Nguyễn Thiện Thuật	TRẦN NGỌC ANH	THƯ	25/11/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,75	9,25	8,00	34,00	031593-THCS & THPT Nguyễn Khuyến
83	THCS Nguyễn Hồng ánh	NGÔ CHÂU	NGUYỄN	31/01/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,50	6,88	9,50	33,88	031066-THCS & THPT Nguyễn Khuyến
84	THCS Nguyễn Thiện Thuật	TRẦN NGUYỄN NAM	AN	27/04/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,00	7,88	9,00	33,88	030024-THPT Cẩm Lệ
85	THCS Nguyễn Công Trứ	NGUYỄN THỊ THANH	TRÚC	28/09/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,50	8,63	7,75	33,88	031788-THPT Nguyễn Văn Thoại
86	THCS, THPT Nguyễn Khuyến	LÊ ĐỨC	THÀNH	19/09/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,00	8,75	9,00	33,75	031438-THCS & THPT Nguyễn Khuyến
87	THCS Nguyễn Bình Khiêm	LÊ QUỲNH	TRÂM	16/06/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,00	7,50	9,25	33,75	081970-THCS Lý Thường Kiệt
88	THCS Nguyễn Hồng ánh	NGUYỄN MINH	KHANG	18/11/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,50	7,50	8,75	33,75	030641-THPT Phan Thành Tài
89	THCS Nguyễn Hồng ánh	NGUYỄN PHAN THANH	HÀ	08/11/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,25	7,00	9,50	33,75	080441-THPT Phan Châu Trinh
90	THCS Nguyễn Văn Linh	TRẦN THU	NGÂN	27/11/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,00	8,50	9,25	33,75	030999-THCS & THPT Nguyễn Khuyến
91	THCS Nguyễn Phú Hường	HUỲNH QUỐC	VIỆT	24/01/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			8,00	7,25	8,50	33,75	031876-THPT Nguyễn Văn Thoại
92	THCS Nguyễn Văn Linh	ĐÀM GIA	BẢO	24/10/2010	Đ	T	K	T	T	T	T	T	9,00	1,0		6,75	8,50	8,50	33,75	030099-THPT Cẩm Lệ
93	THCS Nguyễn Văn Linh	TRẦN ĐÌNH MAI	THY	20/10/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,25	8,00	8,50	33,75	031621-THPT Nguyễn Văn Thoại
94	THCS Nguyễn Thiện Thuật	LÊ TỰ MINH	KHANG	25/09/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			5,50	9,00	9,25	33,75	030637-THPT Phan Thành Tài
95	THCS Nguyễn Công Trứ	LÊ BẢO NGỌC	VY	15/09/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,75	9,25	7,75	33,75	031916-THPT Nguyễn Văn Thoại
96	THCS Nguyễn Thị Định	NGUYỄN ĐOÀN KHÁNH	HUY	13/11/2010	K	T	T	T	T	T	T	T	9,75			6,75	8,75	8,50	33,75	080641-THPT Phan Châu Trinh
97	THCS Đặng Thai Mai	NGÔ PHẠM QUỲNH	NHƯ	12/08/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,00	7,75	9,00	33,75	031175-THCS & THPT Nguyễn Khuyến
98	THCS, THPT Nguyễn Khuyến	PHAN HỒ MAI	KHA	25/06/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			8,00	8,63	7,00	33,63	030631-THPT Phan Thành Tài
99	THCS Kim Đồng	PHAN TÚ UYÊN	NHI	28/09/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,00	7,13	9,50	33,63	031144-THCS & THPT Nguyễn Khuyến
100	THCS Nguyễn Bình Khiêm	ĐÌNH THANH QUỲNH	NHƯ	17/10/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,50	9,38	6,75	33,63	031165-THCS & THPT Nguyễn Khuyến
101	THCS, THPT Nguyễn Khuyến	LÊ ĐÌNH ANH	TUẤN	26/08/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,25	8,50	8,75	33,50	031803-THPT Nguyễn Văn Thoại
102	THCS Nguyễn Đình Chiểu	TỔNG ÁI	LINH	27/10/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,25	7,75	8,50	33,50	030812-THPT Phan Thành Tài
103	THCS Tây Sơn	LÊ ÁNH BẢO	KHANH	24/03/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			8,25	7,75	7,50	33,50	080791-THPT Phan Châu Trinh
104	THCS Tây Sơn	HÀ NGUYỄN THIÊN	KIM	26/01/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,00	8,75	7,75	33,50	030752-THPT Phan Thành Tài
105	THCS Nguyễn Văn Linh	BÙI HƯƠNG LÊ	GIANG	02/12/2010	K	T	K	T	T	T	T	T	9,50			7,00	7,75	9,25	33,50	030325-THPT Cẩm Lệ
106	THCS Nguyễn Văn Linh	ĐÌNH THỊ LY	NA	31/01/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,00	8,50	9,00	33,50	030955-THCS & THPT Nguyễn Khuyến
107	THCS Nguyễn Văn Linh	NGUYỄN MINH	THƯ	19/04/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,00	7,75	8,75	33,50	031580-THCS & THPT Nguyễn Khuyến
108	THCS Nguyễn Văn Linh	NGUYỄN TRẦN ANH	TRIẾT	25/11/2010	K	T	T	T	T	T	T	T	9,75			6,75	9,25	7,75	33,50	082012-THCS Lý Thường Kiệt

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỂM CHUẨN VÀO LỚP 10 THPT
TRƯỜNG THPT HÒA VANG

(Danh sách sắp xếp theo thứ tự điểm xét tuyển từ cao xuống thấp - Đủ điểm chuyển nguyện vọng 1)
(Kèm theo Công văn số 1808/SGDDT-QLCL ngày 15/6/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Đà Nẵng)

TT	Học sinh trường	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	HT6	RL6	HT7	RL7	HT8	RL8	HT9	RL9	Điểm			Điểm số các bài thi			Điểm xét tuyển (1)+(2)+(3) +(4)+(5)+(6)	Số báo danh/ Tên Hội đồng coi thi
													RL, HT 4 năm (1)	UT (2)	KK (3)	Ngữ văn (4)	Ngoại ngữ (5)	Toán (6)		
109	THCS Nguyễn Phú Hường	NGUYỄN QUANG	KHÁNH	10/06/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,00	7,75	8,75	33,50	030674-THPT Phan Thành Tài
110	THCS Phạm Văn Đồng	VÕ MINH	TOÀN	14/02/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			5,50	9,50	8,50	33,50	031647-THPT Nguyễn Văn Thoại
111	THCS Phạm Văn Đồng	NGUYỄN CHÁNH	TRUNG	06/07/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,50	8,00	9,00	33,50	082047-THCS Lý Thường Kiệt
112	THCS Nguyễn Văn Linh	NGUYỄN HỒNG	DUY	10/04/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,75	7,50	8,25	33,50	030229-THPT Cẩm Lệ
113	THCS Nguyễn Văn Linh	NGUYỄN NHẬT ANH	KHOA	10/12/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00		0,5	6,75	8,25	8,00	33,50	030711-THPT Phan Thành Tài
114	THCS Nguyễn Thiện Thuật	NGUYỄN NGỌC THẢO	SƯƠNG	27/08/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,50	9,00	8,00	33,50	031402-THCS &THPT Nguyễn Khuyến
115	THCS Nguyễn Thiện Thuật	TẠ HẢI	ĐĂNG	23/05/2010	T	K	T	T	T	T	T	T	9,75			7,00	8,00	8,75	33,50	080374-THPT Phan Châu Trinh
116	THCS Đặng Thai Mai	BÙI THỊ THIÊN	AN	08/06/2010	K	T	T	T	T	T	T	T	9,75			6,50	7,75	9,50	33,50	030002-THPT Cẩm Lệ
117	THCS Nguyễn Phú Hường	ĐẶNG VĂN	HUY	23/02/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			5,50	8,38	9,50	33,38	030507-THPT Phan Thành Tài
118	THCS Nguyễn Văn Linh	NGUYỄN BÁ	HÙNG	19/11/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,25	7,88	8,25	33,38	030607-THPT Phan Thành Tài
119	THCS Nguyễn Văn Linh	NGUYỄN THỊ VIỆT	KHUÊ	23/07/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			8,25	7,38	7,75	33,38	030733-THPT Phan Thành Tài
120	THCS Nguyễn Văn Linh	NGUYỄN ĐOÀN KHÁNH	NGỌC	09/02/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,50	9,38	7,50	33,38	031031-THCS &THPT Nguyễn Khuyến
121	THCS Nguyễn Thiện Thuật	NGÔ QUỲNH	ANH	02/04/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,50	8,13	7,75	33,38	030054-THPT Cẩm Lệ
122	THCS Nguyễn Công Trứ	LÊ HOÀNG THIÊN	DI	11/08/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,00	9,13	7,25	33,38	030205-THPT Cẩm Lệ
123	THCS Trần Quý Cáp	NGUYỄN VĂN GIA	KHƯƠNG	13/06/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			4,50	9,63	9,25	33,38	030737-THPT Phan Thành Tài
124	THCS,THPT Nguyễn Khuyến	TRẦN NGUYỄN THIÊN	ÂN	10/09/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,00	7,50	8,75	33,25	080145-THPT Phan Châu Trinh
125	THCS Nguyễn Đình Chiểu	BÙI MẠNH	HÙNG	28/01/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,75	7,75	8,75	33,25	030592-THPT Phan Thành Tài
126	THCS Tây Sơn	LÊ NGUYỄN THIÊN	TRÂM	01/10/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,75	8,25	8,25	33,25	031681-THPT Nguyễn Văn Thoại
127	THCS Tây Sơn	TRẦN NGUYỄN QUỲNH	AN	11/01/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,00	7,75	8,50	33,25	030025-THPT Cẩm Lệ
128	THCS Nguyễn Hồng ánh	LÊ NGÔ UYÊN	NHI	01/06/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,00	8,50	7,75	33,25	031127-THCS &THPT Nguyễn Khuyến
129	THCS Nguyễn Hồng ánh	NGÔ THỊ CẨM	LY	15/03/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,50	7,75	8,00	33,25	030864-THPT Phan Thành Tài
130	THCS Nguyễn Hồng ánh	NGUYỄN BÁ	HÙNG	01/01/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,50	7,25	8,50	33,25	080710-THPT Phan Châu Trinh
131	THCS Nguyễn Hồng ánh	TRẦN VÕ SỸ	LUÂN	30/03/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,50	7,25	9,50	33,25	030856-THPT Phan Thành Tài
132	THCS Nguyễn Văn Linh	NGÔ NGUYỄN THÙY	LINH	25/09/2010	K	T	T	T	T	T	T	T	9,75			8,50	7,00	8,00	33,25	030796-THPT Phan Thành Tài
133	THCS Nguyễn Văn Linh	NGUYỄN THỊ DIỆU	THẢO	19/09/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			8,00	8,25	7,00	33,25	081770-THCS Kim Đồng
134	THCS Nguyễn Phú Hường	NGUYỄN THỊ KIM	LY	01/01/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,50	8,50	8,25	33,25	030867-THPT Phan Thành Tài
135	THCS Nguyễn Phú Hường	NGÔ THANH	VÂN	02/12/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,50	7,50	9,25	33,25	031864-THPT Nguyễn Văn Thoại
136	THCS Nguyễn Phú Hường	ĐẶNG QUỐC	VIỆT	06/08/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,75	8,00	8,50	33,25	031875-THPT Nguyễn Văn Thoại
137	THCS Nguyễn Văn Linh	LÊ THỊ THANH	MAI	12/09/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			8,00	6,75	8,50	33,25	030871-THPT Phan Thành Tài
138	THCS Nguyễn Văn Linh	NGUYỄN DƯƠNG	MINH	11/07/2010	K	T	T	T	T	T	T	T	9,75			8,25	7,50	7,75	33,25	030900-THCS &THPT Nguyễn Khuyến
139	THCS Nguyễn Văn Linh	PHÙNG THỊ	NGUYỆT	09/08/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,00	8,25	8,00	33,25	031093-THCS &THPT Nguyễn Khuyến
140	THCS Nguyễn Văn Linh	PHAN XUÂN	NHI	09/12/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,00	7,25	9,00	33,25	031145-THCS &THPT Nguyễn Khuyến
141	THCS Nguyễn Văn Linh	TẶNG NGÔ MINH	THI	19/04/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,25	8,75	7,25	33,25	081782-THCS Kim Đồng
142	THCS Nguyễn Văn Linh	VÕ MINH	TRÍ	06/07/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,75	6,50	9,00	33,25	031759-THPT Nguyễn Văn Thoại
143	THCS Nguyễn Thiện Thuật	TRẦN PHƯỚC	CHÍNH	22/11/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			5,50	9,25	8,50	33,25	030187-THPT Cẩm Lệ
144	THCS Nguyễn Thiện Thuật	NGUYỄN TRẦN DIỆU	HƯƠNG	25/01/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,50	8,25	8,50	33,25	030625-THPT Phan Thành Tài

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỂM CHUẨN VÀO LỚP 10 THPT
TRƯỜNG THPT HÒA VANG

(Danh sách sắp xếp theo thứ tự điểm xét tuyển từ cao xuống thấp - Đủ điểm chuyển nguyện vọng 1)
(Kèm theo Công văn số 1808/SGDDT-QLCL ngày 15/6/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Đà Nẵng)

TT	Học sinh trường	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	HT6	RL6	HT7	RL7	HT8	RL8	HT9	RL9	Điểm			Điểm số các bài thi			Điểm xét tuyển (1)+(2)+(3) +(4)+(5)+(6)	Số báo danh/ Tên Hội đồng coi thi
													RL, HT 4 năm (1)	UT (2)	KK (3)	Ngữ văn (4)	Ngoại ngữ (5)	Toán (6)		
145	THCS Nguyễn Công Trứ	NGUYỄN HỒ MINH	QUÂN	25/08/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,50	8,00	7,75	33,25	031322-THCS &THPT Nguyễn Khuyến
146	THCS Đặng Thai Mai	LÊ NGUYỄN TƯỜNG	VI	22/06/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,00	7,25	9,00	33,25	031873-THPT Nguyễn Văn Thoại
147	THCS Đỗ Thúc Tịnh	TRẦN LÊ TUẤN	HUY	09/02/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			5,50	8,38	9,25	33,13	030570-THPT Phan Thành Tài
148	THCS Nguyễn Văn Linh	ĐOÀN MINH	TÀI	22/06/2010	K	T	T	T	T	T	T	T	9,75			6,50	7,88	9,00	33,13	081713-THCS Kim Đồng
149	THCS Nguyễn Công Trứ	BÙI NGUYỄN ANH	THU	16/01/2010	K	T	T	T	T	T	T	T	9,75			7,50	7,38	8,50	33,13	031556-THCS &THPT Nguyễn Khuyến
150	THCS Nguyễn Công Trứ	NGUYỄN KHÁNH	VY	22/11/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,00	8,63	7,50	33,13	031922-THPT Nguyễn Văn Thoại
151	THCS Đặng Thai Mai	LƯƠNG THỊ THÙY	DIỄM	13/08/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,75	8,38	8,00	33,13	080283-THPT Phan Châu Trinh
152	THCS,THPT Nguyễn Khuyến	NGHIÊM THANH	HẢI	05/09/2010	T	T	T	T	T	T	K	K	9,50		0,5	7,00	8,75	7,25	33,00	030350-THPT Cẩm Lệ
153	THCS Tây Sơn	NGUYỄN QUANG	HUY	13/11/2010	K	T	T	T	T	T	T	T	9,75			6,50	7,50	9,25	33,00	030542-THPT Phan Thành Tài
154	THCS Lý Thường Kiệt	PHẠM THÀNH	ĐẠT	14/05/2010	K	T	T	T	T	T	T	T	9,75			6,00	9,25	8,00	33,00	030302-THPT Cẩm Lệ
155	THCS Nguyễn Hồng ánh	VÕ KIM	HÀNG	15/03/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,50	8,00	7,50	33,00	080483-THPT Phan Châu Trinh
156	THCS Nguyễn Phú Hường	HỒ QUẢNG	ĐẠI	23/10/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,00	7,50	9,50	33,00	030291-THPT Cẩm Lệ
157	THCS Nguyễn Phú Hường	NGUYỄN TRƯỜNG	HUY	07/01/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,50	6,00	9,50	33,00	030549-THPT Phan Thành Tài
158	THCS Nguyễn Phú Hường	NGUYỄN BẢO BÌNH	KHANG	05/02/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,25	7,50	9,25	33,00	080761-THPT Phan Châu Trinh
159	THCS Nguyễn Phú Hường	LÊ THỊ ANH	THU	28/08/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,00	8,00	9,00	33,00	031568-THCS &THPT Nguyễn Khuyến
160	THCS Nguyễn Văn Linh	LƯƠNG THỊ NGỌC	DUNG	09/10/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			8,00	9,25	5,75	33,00	030221-THPT Cẩm Lệ
161	THCS Nguyễn Văn Linh	NGUYỄN VŨ	HOÀNG	18/01/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,50	8,75	6,75	33,00	080597-THPT Phan Châu Trinh
162	THCS Nguyễn Văn Linh	HỒ THỊ YẾN	NHI	18/01/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,25	8,25	7,50	33,00	081458-THCS Trưng Vương
163	THCS Nguyễn Văn Linh	TRẦN MINH	PHÁT	28/01/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			8,25	8,25	6,50	33,00	031219-THCS &THPT Nguyễn Khuyến
164	THCS Nguyễn Văn Linh	HOÀNG NGUYỄN NHẢ	UYÊN	04/07/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,75	8,75	6,50	33,00	031846-THPT Nguyễn Văn Thoại
165	THCS Nguyễn Thiện Thuật	NGUYỄN HỮU	KHÁNH	21/09/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,00	7,00	9,00	33,00	080824-THPT Phan Châu Trinh
166	THCS Nguyễn Thiện Thuật	PHẠM THỊ THANH	KHUYÊN	30/11/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,00	8,00	8,00	33,00	030736-THPT Phan Thành Tài
167	THCS Đặng Thai Mai	NGUYỄN HỮU	ĐẠT	15/04/2010	K	T	T	T	T	T	T	T	9,75			6,50	7,25	9,50	33,00	030300-THPT Cẩm Lệ
168	THCS Đặng Thai Mai	LÊ HOÀI	NAM	07/02/2010	K	T	T	T	T	T	T	T	9,75		0,5	5,50	8,00	9,25	33,00	030960-THCS &THPT Nguyễn Khuyến
169	THCS Đặng Thai Mai	PHẠM QUỲNH	NHƯ	11/10/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,00	8,00	9,00	33,00	031184-THCS &THPT Nguyễn Khuyến
170	THCS Đặng Thai Mai	NGUYỄN VĂN LONG	TRƯỜNG	11/08/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			5,75	8,00	9,25	33,00	031797-THPT Nguyễn Văn Thoại
171	THCS Nguyễn Văn Linh	DƯƠNG TẤN	HOÀNG	17/10/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,00	7,88	9,00	32,88	030451-THPT Phan Thành Tài
172	THCS Nguyễn Văn Linh	NGUYỄN QUANG	BÁCH	10/10/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,00	8,88	7,00	32,88	030098-THPT Cẩm Lệ
173	THCS Nguyễn Văn Linh	PHẠM MINH	ĐĂNG	27/08/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,00	9,13	7,75	32,88	080373-THPT Phan Châu Trinh
174	THCS Nguyễn Văn Linh	CHÂU LÊ BẢO	NGUYỄN	03/03/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,50	6,38	9,00	32,88	081341-THCS Trưng Vương
175	THCS Nguyễn Đình Chiểu	NGUYỄN ĐĂNG NHẬT	MINH	27/06/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,75	8,00	8,00	32,75	030901-THCS &THPT Nguyễn Khuyến
176	THCS Nguyễn Đình Chiểu	NGUYỄN LÂM	HOÀNG	09/09/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,00	7,00	8,75	32,75	030467-THPT Phan Thành Tài
177	THCS Tây Sơn	NGUYỄN QUỲNH	TRÂM	20/03/2010	K	T	K	T	T	T	T	T	9,50			7,00	7,00	9,25	32,75	031688-THPT Nguyễn Văn Thoại
178	THCS Hồ Nghinh	PHẠM LÊ TRÍ	MINH	02/03/2010	K	T	T	T	T	T	T	T	9,75			7,25	8,25	7,50	32,75	030912-THCS &THPT Nguyễn Khuyến
179	THCS Nguyễn Bình Khiêm	TRẦN THỊ QUỲNH	THY	05/11/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,75	7,25	8,75	32,75	031622-THPT Nguyễn Văn Thoại
180	THCS Nguyễn Hồng ánh	NGUYỄN THỊ TOÀN	NGỌC	30/04/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,75	7,25	8,75	32,75	031044-THCS &THPT Nguyễn Khuyến

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỂM CHUẨN VÀO LỚP 10 THPT
TRƯỜNG THPT HÒA VANG

(Danh sách sắp xếp theo thứ tự điểm xét tuyển từ cao xuống thấp - Đủ điểm chuyển nguyện vọng 1)
(Kèm theo Công văn số 1808/SGDDĐT-QLCL ngày 15/6/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Đà Nẵng)

TT	Học sinh trường	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	HT6	RL6	HT7	RL7	HT8	RL8	HT9	RL9	Điểm			Điểm số các bài thi			Điểm xét tuyển (1)+(2)+(3) +(4)+(5)+(6)	Số báo danh/ Tên Hội đồng coi thi
												RL, HT 4 năm (1)	UT (2)	KK (3)	Ngữ văn (4)	Ngoại ngữ (5)	Toán (6)		
181	THCS Nguyễn Phú Hường	NGUYỄN ĐỨC TRÍ	01/01/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			8,00	5,25	9,50	32,75	031753-THPT Nguyễn Văn Thoại
182	THCS Nguyễn Văn Linh	NGUYỄN HOÀNG DIỆU LINH	25/06/2010	K	T	T	T	T	T	T	T	9,75		0,5	7,25	6,75	8,50	32,75	030797-THPT Phan Thành Tài
183	THCS Nguyễn Văn Linh	MÃ THÀNH THÔNG	02/11/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			8,00	8,00	6,75	32,75	031531-THCS &THPT Nguyễn Khuyến
184	THCS Nguyễn Văn Linh	HUỲNH LÊ BẢO THY	01/02/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,75	7,50	7,50	32,75	031612-THPT Nguyễn Văn Thoại
185	THCS Nguyễn Công Trứ	LÊ PHÁT	02/01/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,50	7,00	9,25	32,75	031209-THCS &THPT Nguyễn Khuyến
186	THCS Nguyễn Công Trứ	VÕ PHẠM BẢO NGỌC	16/09/2010	K	T	T	T	T	T	T	T	9,75			5,50	9,25	8,25	32,75	031054-THCS &THPT Nguyễn Khuyến
187	THCS Nguyễn Thị Định	TRẦN ĐĂNG BẢO TRÂM	21/03/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00		0,5	7,50	7,00	7,75	32,75	031694-THPT Nguyễn Văn Thoại
188	THCS Đặng Thai Mai	LẠI HOÀI ANH	27/06/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,25	7,75	7,75	32,75	030040-THPT Cẩm Lệ
189	THCS Đặng Thai Mai	NGÔ NGỌC BẢO	08/04/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,50	7,00	8,25	32,75	080163-THPT Phan Châu Trinh
190	THCS Đặng Thai Mai	NGUYỄN THỊ THANH BÌNH	28/04/2010	K	T	T	T	T	T	T	T	9,75			7,00	8,00	8,00	32,75	030141-THPT Cẩm Lệ
191	THCS,THPT Nguyễn Khuyến	NGUYỄN LÊ BẢO NGỌC	02/05/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,00	6,13	9,50	32,63	081307-THCS Trưng Vương
192	THCS Tây Sơn	NGÔ NHÃ KỲ	12/01/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			8,00	7,13	7,50	32,63	030756-THPT Phan Thành Tài
193	THCS Nguyễn Văn Linh	NGUYỄN LINA	02/05/2010	T	T	K	T	T	T	T	T	9,75			6,50	7,63	8,75	32,63	030786-THPT Phan Thành Tài
194	THCS Nguyễn Công Trứ	HUỲNH DUY TÂM	03/11/2010	K	T	T	T	K	T	K	T	9,25			6,75	8,63	8,00	32,63	031416-THCS &THPT Nguyễn Khuyến
195	THCS Trần Quý Cáp	LÊ PHƯỚC UYÊN PHƯƠNG	19/09/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,50	9,13	7,00	32,63	031282-THCS &THPT Nguyễn Khuyến
196	THCS,THPT Nguyễn Khuyến	NGUYỄN ĐÌNH QUÝ	26/10/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,50	7,00	9,00	32,50	031382-THCS &THPT Nguyễn Khuyến
197	THCS Tây Sơn	NGUYỄN HOÀNG LINH	05/10/2010	K	T	K	T	T	T	K	T	9,25			6,25	9,00	8,00	32,50	081020-THCS Trưng Vương
198	THCS Lý Thường Kiệt	PHẠM HÀ MY	14/11/2010	K	T	T	T	K	T	T	T	9,50			7,25	8,00	7,75	32,50	030943-THCS &THPT Nguyễn Khuyến
199	THCS Nguyễn Bình Khiêm	NGUYỄN PHÙNG BẢO CHÂU	08/03/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,00	6,50	9,00	32,50	030167-THPT Cẩm Lệ
200	THCS Nguyễn Hồng ánh	LÊ HOÀNG THANH THUÝ	20/06/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			5,00	8,50	9,00	32,50	031544-THCS &THPT Nguyễn Khuyến
201	THCS Nguyễn Phú Hường	NGUYỄN LÊ THANH HIỀN	25/08/2010	K	T	T	T	T	T	T	T	9,75			7,25	7,75	7,75	32,50	030408-THPT Cẩm Lệ
202	THCS Phạm Văn Đồng	TRẦN TRỌNG HOÀNG	24/02/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			5,00	9,50	8,00	32,50	080603-THPT Phan Châu Trinh
203	THCS Nguyễn Văn Linh	LÊ THỊ TÂM NGÂN	19/10/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			5,00	8,25	9,25	32,50	030986-THCS &THPT Nguyễn Khuyến
204	THCS Nguyễn Văn Linh	TRẦN CHÍNH TRỰC	23/12/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			5,25	8,75	8,50	32,50	031799-THPT Nguyễn Văn Thoại
205	THCS Nguyễn Thiện Thuật	ĐÌNH THIÊN HOÀNG	15/09/2010	K	T	T	T	K	T	T	T	9,50			6,00	8,50	8,50	32,50	030454-THPT Phan Thành Tài
206	THCS Nguyễn Thiện Thuật	DƯƠNG BẢO LONG	11/12/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,50	8,00	8,00	32,50	030820-THPT Phan Thành Tài
207	THCS Nguyễn Thiện Thuật	TRẦN BẢO NGỌC	25/03/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,50	7,25	7,75	32,50	031048-THCS &THPT Nguyễn Khuyến
208	THCS Nguyễn Thiện Thuật	LÂM BẢO TRÂN	18/01/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,00	7,25	8,25	32,50	031702-THPT Nguyễn Văn Thoại
209	THCS Nguyễn Công Trứ	TRẦN YẾN NHI	08/09/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			5,75	8,00	8,75	32,50	031155-THCS &THPT Nguyễn Khuyến
210	THCS Trần Quý Cáp	NGUYỄN TRẦN MINH HUY	27/09/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,25	9,00	7,25	32,50	030548-THPT Phan Thành Tài
211	THCS Trần Quý Cáp	VÕ NGUYỄN PHƯƠNG NGÂN	16/02/2010	K	T	T	T	T	T	T	T	9,75			7,00	8,75	7,00	32,50	031000-THCS &THPT Nguyễn Khuyến
212	THCS Trần Quý Cáp	NGUYỄN PHAN TUẤN ANH	27/03/2010	T	T	T	T	T	T	K	T	9,75			6,75	7,75	8,25	32,50	030061-THPT Cẩm Lệ
213	THCS Đặng Thai Mai	LÊ NHẬT LONG	28/03/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,00	8,25	8,25	32,50	030822-THPT Phan Thành Tài
214	THCS,THPT Nguyễn Khuyến	NGUYỄN QUANG THÀNH	02/04/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			5,50	7,38	9,50	32,38	081746-THCS Kim Đồng
215	THCS Nguyễn Thiện Thuật	NGUYỄN NHƯ SONG THƯ	31/01/2010	K	T	T	T	T	T	T	T	9,75			7,50	7,63	7,50	32,38	031582-THCS &THPT Nguyễn Khuyến
216	THCS Đặng Thai Mai	TRỊNH LÊ NHƯ NGỌC	08/10/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,00	7,38	8,00	32,38	081330-THCS Trưng Vương

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỂM CHUẨN VÀO LỚP 10 THPT
TRƯỜNG THPT HÒA VANG

(Danh sách sắp xếp theo thứ tự điểm xét tuyển từ cao xuống thấp - Đủ điểm chuyển nguyện vọng 1)
(Kèm theo Công văn số 1808/SGDDĐT-QLCL ngày 15/6/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Đà Nẵng)

TT	Học sinh trường	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	HT6	RL6	HT7	RL7	HT8	RL8	HT9	RL9	Điểm			Điểm số các bài thi			Điểm xét tuyển (1)+(2)+(3) +(4)+(5)+(6)	Số báo danh/ Tên Hội đồng coi thi
													RL, HT 4 năm (1)	UT (2)	KK (3)	Ngữ văn (4)	Ngoại ngữ (5)	Toán (6)		
217	THCS,THPT Nguyễn Khuyến	HUYỀN THỊ THU	NGÂN	24/01/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,50	8,75	7,00	32,25	030981-THCS &THPT Nguyễn Khuyến
218	THCS Huỳnh Thúc Kháng	LÊ ANH	DŨNG	11/10/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,50	7,50	7,25	32,25	030256-THPT Cẩm Lệ
219	THCS Hồ Nghinh	ĐẶNG THÀNH	TÀI	16/05/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,25	7,75	7,25	32,25	031406-THCS &THPT Nguyễn Khuyến
220	THCS Nguyễn Văn Linh	PHẠM NGỌC THIÊN	KIM	10/06/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,00	7,50	8,75	32,25	030755-THPT Phan Thành Tài
221	THCS Nguyễn Phú Hường	NGUYỄN VÕ BÁCH	NGỌC	04/08/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,00	8,00	7,25	32,25	031045-THCS &THPT Nguyễn Khuyến
222	THCS Nguyễn Phú Hường	LÊ THỊ TUYẾT	NHI	29/06/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			8,00	6,50	7,75	32,25	031128-THCS &THPT Nguyễn Khuyến
223	THCS Nguyễn Phú Hường	NGUYỄN VINH	PHÚC	14/09/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			5,50	7,50	9,25	32,25	031266-THCS &THPT Nguyễn Khuyến
224	THCS Nguyễn Văn Linh	PHÙNG VĂN QUỐC	THÔNG	10/03/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,00	7,50	7,75	32,25	081819-THCS Kim Đồng
225	THCS Nguyễn Thiện Thuật	BÙI KHÁNH	LINH	04/11/2010	K	T	T	T	T	T	T	T	9,75			7,00	7,75	7,75	32,25	030787-THPT Phan Thành Tài
226	THCS Nguyễn Công Trứ	NGUYỄN THỊ HOÀI	PHƯƠNG	15/09/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,50	7,75	7,00	32,25	031293-THCS &THPT Nguyễn Khuyến
227	THCS Trần Quý Cáp	NGUYỄN TRẦN HOÀI	ANH	21/10/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,00	8,50	7,75	32,25	030065-THPT Cẩm Lệ
228	THCS Trần Quý Cáp	TRẦN ĐÌNH	QUÝ	25/02/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,50	6,00	8,75	32,25	081690-THCS Kim Đồng
229	THCS Phạm Văn Đồng	NGÔ VĂN TRỌNG	HOÀNG	14/01/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			5,00	9,38	7,75	32,13	030462-THPT Phan Thành Tài
230	THCS Nguyễn Văn Linh	LÊ NGUYỄN NGÂN	THƯƠNG	25/04/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,50	6,88	7,75	32,13	031601-THCS &THPT Nguyễn Khuyến
231	THCS Nguyễn Thiện Thuật	NGUYỄN BÁ	ĐẠT	22/11/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			5,50	8,38	8,25	32,13	030299-THPT Cẩm Lệ
232	THCS Nguyễn Thiện Thuật	NGUYỄN QUANG VIỆT	HẢI	08/09/2010	K	T	T	T	T	T	T	T	9,75			5,50	9,63	7,25	32,13	080465-THPT Phan Châu Trinh
233	THCS Nguyễn Công Trứ	ĐỖ THANH	TRƯỜNG	21/10/2010	K	T	T	T	T	T	T	T	9,75			6,00	7,38	9,00	32,13	031793-THPT Nguyễn Văn Thoại
234	TH, THCS Đức Trí	TRẦN TUẤN	KIỆT	28/10/2010	K	T	T	T	T	T	T	T	9,75			7,00	6,25	9,00	32,00	030750-THPT Phan Thành Tài
235	THCS Nguyễn Bình Khiêm	TRẦN THỊ MINH	THU	24/02/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,25	6,50	8,25	32,00	031598-THCS &THPT Nguyễn Khuyến
236	THCS Nguyễn Hồng ánh	TRẦN QUANG	BẢO	21/03/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,50	7,50	8,00	32,00	080186-THPT Phan Châu Trinh
237	THCS Nguyễn Văn Linh	LÊ VIỆT MINH	NHẬT	27/05/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,75	7,00	8,25	32,00	031115-THCS &THPT Nguyễn Khuyến
238	THCS Nguyễn Thiện Thuật	LUU VĂN	HÒA	11/05/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			5,75	7,00	9,25	32,00	030489-THPT Phan Thành Tài
239	THCS Nguyễn Thiện Thuật	PHẠM TUỜNG VY	LOAN	27/08/2010	T	T	K	T	T	T	K	T	9,50			6,25	9,25	7,00	32,00	030818-THPT Phan Thành Tài
240	THCS Nguyễn Công Trứ	NGUYỄN ĐÌNH	HUY	19/02/2010	K	T	T	T	T	T	K	T	9,50			6,00	8,25	8,25	32,00	030529-THPT Phan Thành Tài
241	THCS Nguyễn Công Trứ	PHẠM ĐỨC TRUNG	CƯỜNG	31/01/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,75	8,00	7,25	32,00	030197-THPT Cẩm Lệ
242	THCS,THPT Nguyễn Khuyến	LÊ TRỊNH BẢO	TRẦN	08/11/2010	T	T	K	T	T	T	K	T	9,50			7,25	7,13	8,00	31,88	031705-THPT Nguyễn Văn Thoại
243	THCS Nguyễn Hồng ánh	NGÔ BẢO	NGỌC	29/07/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,50	6,38	9,00	31,88	081298-THCS Trưng Vương
244	THCS Nguyễn Công Trứ	NGUYỄN XUÂN	HUNG	26/09/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			5,50	8,88	7,50	31,88	030610-THPT Phan Thành Tài
245	THCS Lý Tự Trọng	TRẦN THẢO	NGUYỄN	26/02/2010	T	T	T	T	T	T	K	T	9,75			5,50	8,00	8,50	31,75	031084-THCS &THPT Nguyễn Khuyến
246	THCS Nguyễn Bình Khiêm	NGUYỄN PHẠM QUỐC	BẢO	02/04/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00		0,5	6,00	6,75	8,50	31,75	080171-THPT Phan Châu Trinh
247	THCS Nguyễn Văn Linh	NGUYỄN VĂN	PHÚC	22/06/2010	T	T	K	T	T	T	T	T	9,75			7,00	8,75	6,25	31,75	031265-THCS &THPT Nguyễn Khuyến
248	THCS Nguyễn Văn Linh	VŨ TRẦN GIA	PHÚC	29/08/2010	K	T	T	T	T	T	T	T	9,75			6,50	6,50	9,00	31,75	031273-THCS &THPT Nguyễn Khuyến
249	THCS Nguyễn Văn Linh	LÊ NAM	PHƯƠNG	12/12/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,75	6,75	7,25	31,75	081585-THCS Kim Đồng
250	THCS Nguyễn Thiện Thuật	NGUYỄN ĐĂNG TRUNG	KIÊN	30/06/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,50	7,25	8,00	31,75	080931-THPT Phan Châu Trinh
251	THCS Nguyễn Thiện Thuật	ĐẶNG NGỌC	TRÍ	08/06/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,25	7,00	8,50	31,75	031745-THPT Nguyễn Văn Thoại
252	THCS Nguyễn Công Trứ	NGUYỄN NGỌC THIÊN	HƯƠNG	26/09/2010	T	T	T	T	T	T	K	T	9,75			7,00	7,00	8,00	31,75	030623-THPT Phan Thành Tài

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỂM CHUẨN VÀO LỚP 10 THPT
TRƯỜNG THPT HÒA VANG

(Danh sách sắp xếp theo thứ tự điểm xét tuyển từ cao xuống thấp - Đủ điểm chuyển nguyện vọng 1)
(Kèm theo Công văn số 1808/SGDDT-QLCL ngày 15/6/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Đà Nẵng)

TT	Học sinh trường	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	HT6	RL6	HT7	RL7	HT8	RL8	HT9	RL9	Điểm			Điểm số các bài thi			Điểm xét tuyển (1)+(2)+(3) +(4)+(5)+(6)	Số báo danh/ Tên Hội đồng coi thi
													RL, HT 4 năm (1)	UT (2)	KK (3)	Ngữ văn (4)	Ngoại ngữ (5)	Toán (6)		
253	THCS Đặng Thai Mai	LÊ NGUYỄN HOÀNG	ĐIỆP	16/03/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,00	6,75	9,00	31,75	030307-THPT Cẩm Lệ
254	THCS Đặng Thai Mai	TRẦN MẬU BẢO	CHÂU	02/10/2010	K	T	T	T	T	T	T	T	9,75			5,75	7,75	8,50	31,75	030171-THPT Cẩm Lệ
255	THCS Nguyễn Hồng ánh	LÊ THỊ THU	TRANG	14/01/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,50	6,13	9,00	31,63	031655-THPT Nguyễn Văn Thoại
256	THCS Nguyễn Hồng ánh	TRẦN THỊ KHÁNH	HUYỀN	21/03/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00		1,0	6,00	7,13	7,50	31,63	080682-THPT Phan Châu Trinh
257	THCS Nguyễn Phú Hường	ĐỖ HOÀNG	HUY	02/09/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,00	6,38	8,25	31,63	030509-THPT Phan Thành Tài
258	THCS Nguyễn Văn Linh	NGUYỄN ĐỨC	PHƯỚC	24/04/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,00	6,38	8,25	31,63	031301-THCS & THPT Nguyễn Khuyến
259	THCS Nguyễn Văn Linh	TRÀ NGUYỄN KHÁNH	QUỲNH	14/01/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,00	7,88	7,75	31,63	031372-THCS & THPT Nguyễn Khuyến
260	THCS Trần Quý Cáp	HUỲNH PHAN NGỌC	BẢO	27/01/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,50	7,38	7,75	31,63	030103-THPT Cẩm Lệ
261	THCS,THPT Nguyễn Khuyến	LÊ HOÀNG BẢO	TRÂM	20/05/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			5,75	7,50	8,25	31,50	031680-THPT Nguyễn Văn Thoại
262	THCS Nguyễn Đình Chiểu	ĐẶNG THANH	HÀ	11/10/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			5,75	8,50	7,25	31,50	030335-THPT Cẩm Lệ
263	THCS Nguyễn Đình Chiểu	NGUYỄN MINH	TÚ	19/10/2010	K	T	T	T	T	T	T	T	9,75			7,25	6,25	8,25	31,50	031834-THPT Nguyễn Văn Thoại
264	THCS Tây Sơn	LÊ THANH	NGA	07/09/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,50	8,75	6,25	31,50	030975-THCS & THPT Nguyễn Khuyến
265	THCS Lê Lợi	TẠ CÔNG	LUẬN	30/06/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			5,75	7,00	8,75	31,50	030857-THPT Phan Thành Tài
266	THCS Nguyễn Bình Khiêm	ĐÌNH LÊ ÁNH	DƯƠNG	26/02/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,00	6,25	8,25	31,50	030267-THPT Cẩm Lệ
267	THCS Nguyễn Văn Linh	NGUYỄN NGỌC GIA	KHIÊM	16/11/2010	T	T	K	T	T	T	T	T	9,75			5,50	7,50	8,75	31,50	080850-THPT Phan Châu Trinh
268	THCS Nguyễn Phú Hường	NGUYỄN GIA	THỊNH	14/05/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,00	6,50	8,00	31,50	031514-THCS & THPT Nguyễn Khuyến
269	THCS Trần Quốc Tuấn	NGUYỄN BÁ	HUY	07/08/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			5,75	8,75	7,00	31,50	030527-THPT Phan Thành Tài
270	THCS Nguyễn Văn Linh	PHAN THỊ NGỌC	MINH	24/07/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,25	9,00	6,25	31,50	081148-THCS Trưng Vương
271	THCS Nguyễn Văn Linh	PHẠM NGUYỄN	THẢO	30/05/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,00	8,00	6,50	31,50	031469-THCS & THPT Nguyễn Khuyến
272	THCS Nguyễn Thiện Thuật	TRẦN BẢO	CHÂU	27/11/2010	K	T	T	T	T	T	T	T	9,75			7,00	7,75	7,00	31,50	030170-THPT Cẩm Lệ
273	THCS Nguyễn Thiện Thuật	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	CHI	12/03/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,00	7,25	7,25	31,50	030178-THPT Cẩm Lệ
274	THCS Nguyễn Thiện Thuật	HUỲNH NGỌC HƯƠNG	GIANG	12/02/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			5,50	7,75	8,25	31,50	080407-THPT Phan Châu Trinh
275	THCS Trần Quý Cáp	LÊ TRẦN NGUYỄN	KHA	24/10/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,00	6,25	8,25	31,50	080743-THPT Phan Châu Trinh
276	THCS Nguyễn Thị Định	LÊ BẢO	TRÂM	28/10/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,00	6,75	8,75	31,50	031679-THPT Nguyễn Văn Thoại
277	THCS Lý Thường Kiệt	NGUYỄN HÀ	MY	12/04/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,75	5,88	7,75	31,38	030933-THCS & THPT Nguyễn Khuyến
278	THCS Nguyễn Công Trứ	ĐÀO NGỌC	THÁI	13/11/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			5,75	6,38	9,25	31,38	031445-THCS & THPT Nguyễn Khuyến
279	THCS Nguyễn Công Trứ	NGUYỄN TRẦN LINH	NHI	27/07/2010	K	T	T	T	T	T	T	T	9,75			7,25	7,13	7,25	31,38	031142-THCS & THPT Nguyễn Khuyến
280	THCS Hồ Nghinh	NGUYỄN TRÚC	UYÊN	05/08/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,50	6,25	8,50	31,25	082144-THCS Lý Thường Kiệt
281	THCS Nguyễn Hồng ánh	LÊ ĐỨC	TIẾN	17/01/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,00	7,75	7,50	31,25	031631-THPT Nguyễn Văn Thoại
282	THCS Nguyễn Văn Linh	HÀ CAO NHÂN	NGHĨA	26/03/2010	T	T	T	T	K	T	T	T	9,75			5,50	7,25	8,75	31,25	031005-THCS & THPT Nguyễn Khuyến
283	THCS Ông ích Đường	NGUYỄN LÂM KIỀU	KHANH	25/09/2010	K	T	T	T	T	T	T	T	9,75			6,25	6,50	8,75	31,25	080796-THPT Phan Châu Trinh
284	THCS Nguyễn Văn Linh	TRẦN QUỐC	KHÁNH	10/01/2010	T	T	K	T	T	T	T	T	9,75			7,50	7,00	7,00	31,25	030681-THPT Phan Thành Tài
285	THCS Nguyễn Văn Linh	NGÔ MỘC	MIÊN	12/02/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00		1,0	7,50	5,75	7,00	31,25	081108-THCS Trưng Vương
286	THCS Nguyễn Văn Linh	TRẦN LÊ HOÀI	PHÚC	06/11/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,00	6,00	8,25	31,25	031269-THCS & THPT Nguyễn Khuyến
287	THCS Nguyễn Văn Linh	ĐẶNG LÊ BẢO	THY	11/10/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			8,00	5,75	7,50	31,25	031608-THCS & THPT Nguyễn Khuyến
288	THCS Nguyễn Thiện Thuật	HỒ QUỐC	MINH	01/02/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,75	6,75	7,75	31,25	030889-THCS & THPT Nguyễn Khuyến

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỂM CHUẨN VÀO LỚP 10 THPT
TRƯỜNG THPT HÒA VANG

(Danh sách sắp xếp theo thứ tự điểm xét tuyển từ cao xuống thấp - Đủ điểm chuyển nguyện vọng 1)
(Kèm theo Công văn số 1808/SGDDT-QLCL ngày 15/6/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Đà Nẵng)

TT	Học sinh trường	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	HT6	RL6	HT7	RL7	HT8	RL8	HT9	RL9	Điểm			Điểm số các bài thi			Điểm xét tuyển (1)+(2)+(3) +(4)+(5)+(6)	Số báo danh/ Tên Hội đồng coi thi
													RL, HT 4 năm (1)	UT (2)	KK (3)	Ngữ văn (4)	Ngoại ngữ (5)	Toán (6)		
289	THCS Nguyễn Thiện Thuật	LÊ PHẠM HỒNG	PHONG	02/10/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00		1,5	6,00	6,00	7,75	31,25	081538-THCS Kim Đồng
290	THCS Lý Thường Kiệt	LÊ AN	HIẾU	07/02/2010	K	T	T	T	T	T	T	T	9,75			7,00	7,13	7,25	31,13	030420-THPT Phan Thành Tài
291	THCS,THPT Nguyễn Khuyến	NGUYỄN NAM	HẢI	25/02/2010	T	T	K	T	K	T	T	T	9,50			7,25	6,25	8,00	31,00	030354-THPT Cẩm Lệ
292	THCS,THPT Nguyễn Khuyến	LÊ HIẾU	KHÁNH	07/12/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,50	6,00	8,50	31,00	080812-THPT Phan Châu Trinh
293	THCS Trần Hưng Đạo	NGUYỄN HOÀNG	NGÂN	04/05/2010	K	T	T	T	T	T	T	T	9,75			7,50	6,75	7,00	31,00	081239-THCS Trưng Vương
294	THCS Nguyễn Hồng ánh	CAO TRẦN MINH	THANH	02/02/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,00	6,00	8,00	31,00	081733-THCS Kim Đồng
295	THCS Nguyễn Văn Linh	LÊ THỊ NHẬT	THU	13/05/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,00	6,75	7,25	31,00	031537-THCS &THPT Nguyễn Khuyến
296	THCS Nguyễn Phú Hường	TRẦN ĐÌNH PHAN	KHÔI	16/07/2010	Đ	T	T	T	T	T	T	T	9,25			6,00	7,75	8,00	31,00	030728-THPT Phan Thành Tài
297	THCS Nguyễn Văn Linh	LÊ NGUYỄN DUY	HOÀNG	29/10/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,25	5,00	8,75	31,00	080586-THPT Phan Châu Trinh
298	THCS Nguyễn Văn Linh	HUỲNH PHƯỚC	SANG	27/02/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,00	5,25	8,75	31,00	031389-THCS &THPT Nguyễn Khuyến
299	THCS Nguyễn Văn Linh	PHẠM QUỲNH	THY	26/02/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,50	6,00	7,50	31,00	031619-THPT Nguyễn Văn Thoại
300	THCS Nguyễn Thiện Thuật	NGUYỄN HỒNG	ÂN	29/10/2010	K	T	T	T	T	T	T	T	9,75			5,75	7,75	7,75	31,00	030093-THPT Cẩm Lệ
301	THCS Nguyễn Thiện Thuật	TRƯỜNG THÀNH	HẢI	17/05/2010	K	T	T	T	T	T	T	T	9,75			5,50	8,00	7,75	31,00	030362-THPT Cẩm Lệ
302	THCS Nguyễn Thiện Thuật	NGUYỄN MINH	KHÔI	24/01/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			5,75	6,50	8,75	31,00	030726-THPT Phan Thành Tài
303	THCS Nguyễn Thiện Thuật	NGUYỄN AN	PHÚ	15/06/2010	K	T	T	T	T	T	T	T	9,75			7,50	5,00	8,75	31,00	031241-THCS &THPT Nguyễn Khuyến
304	THCS Nguyễn Thiện Thuật	LÊ VÕ HẠ	THI	10/06/2010	K	T	T	T	T	T	T	T	9,75			6,75	7,50	7,00	31,00	031490-THCS &THPT Nguyễn Khuyến
305	THCS Nguyễn Thiện Thuật	TRẦN THỊ MINH	THUẬN	24/06/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,00	7,50	6,50	31,00	031541-THCS &THPT Nguyễn Khuyến
306	THCS Nguyễn Thiện Thuật	PHAN LÊ ĐOAN	TRANG	27/06/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,00	7,00	7,00	31,00	031666-THPT Nguyễn Văn Thoại
307	THCS Nguyễn Thiện Thuật	TRẦN THỊ TRÚC	TRINH	11/09/2010	K	T	T	T	T	T	T	T	9,75			6,00	8,25	7,00	31,00	082023-THCS Lý Thường Kiệt
308	THCS Nguyễn Thiện Thuật	NGUYỄN TRIỆU	VY	01/07/2010	T	T	T	T	K	T	T	T	9,75			6,25	7,25	7,75	31,00	031928-THPT Nguyễn Văn Thoại
309	THCS Nguyễn Công Trứ	LUU THÁI	TUẤN	12/05/2010	K	T	K	T	T	T	T	T	9,50			6,25	7,25	8,00	31,00	031804-THPT Nguyễn Văn Thoại
310	THCS Trần Quý Cáp	NGUYỄN TUẤN	TÚ	06/10/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,50	6,25	8,25	31,00	031835-THPT Nguyễn Văn Thoại
311	THCS,THPT Nguyễn Khuyến	LÊ HOÀNG NAM	HUYỀN	28/10/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,50	7,13	6,25	30,88	030582-THPT Phan Thành Tài
312	THCS,THPT Nguyễn Khuyến	VÕ MINH	KHÔI	30/03/2010	T	T	T	T	T	T	K	T	9,75			6,25	6,63	8,25	30,88	030730-THPT Phan Thành Tài
313	THCS,THPT Nguyễn Khuyến	LÊ HOÀNG KHÁNH	THƯ	04/12/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,50	6,63	7,75	30,88	031565-THCS &THPT Nguyễn Khuyến
314	THCS Lê Lợi	NGUYỄN BÙI HIẾU	NGÂN	22/11/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,25	6,38	7,25	30,88	081237-THCS Trưng Vương
315	THCS Nguyễn Bình Khiêm	LÊ THỊ CHÂU	NGỌC	15/08/2010	K	T	K	T	T	T	T	T	9,50			5,75	6,88	8,75	30,88	031023-THCS &THPT Nguyễn Khuyến
316	THCS Nguyễn Hồng ánh	NGÔ HOÀNG CHÂN	CHÂN	04/06/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			5,50	7,38	8,00	30,88	030151-THPT Cẩm Lệ
317	THCS Nguyễn Văn Linh	PHẠM BÁ	BÌNH	10/08/2010	T	T	K	T	K	T	K	T	9,25			6,75	7,63	7,25	30,88	030143-THPT Cẩm Lệ
318	THCS Nguyễn Văn Linh	NGUYỄN ĐẶNG KIM	NGỌC	30/10/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			8,00	4,63	8,25	30,88	031030-THCS &THPT Nguyễn Khuyến
319	THCS,THPT Nguyễn Khuyến	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	HÀ	02/03/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			5,50	6,50	8,75	30,75	080444-THPT Phan Châu Trinh
320	THCS,THPT Nguyễn Khuyến	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	28/08/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			5,00	6,50	9,25	30,75	031770-THPT Nguyễn Văn Thoại
321	THCS Nguyễn Đình Chiểu	NGUYỄN LÊ BẢO	NGỌC	19/12/2010	K	T	T	T	T	T	K	T	9,50			6,00	6,25	9,00	30,75	031034-THCS &THPT Nguyễn Khuyến
322	THCS Nguyễn Bình Khiêm	LÊ PHAN KHÁNH	NGÂN	27/10/2010	K	T	T	T	T	T	T	T	9,75			5,75	6,00	9,25	30,75	030985-THCS &THPT Nguyễn Khuyến
323	THCS Nguyễn Phú Hường	LÊ PHAN BẢO	TRÂM	01/01/2010	T	T	K	T	T	T	T	T	9,75			7,00	6,75	7,25	30,75	031683-THPT Nguyễn Văn Thoại
324	THCS Nguyễn Công Trứ	NGUYỄN ĐẶNG KIM	NGÂN	08/03/2010	K	T	T	T	T	T	T	T	9,75			6,50	6,25	8,25	30,75	030989-THCS &THPT Nguyễn Khuyến

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỂM CHUẨN VÀO LỚP 10 THPT
TRƯỜNG THPT HÒA VANG

(Danh sách sắp xếp theo thứ tự điểm xét tuyển từ cao xuống thấp - Đủ điểm chuyển nguyện vọng 1)
(Kèm theo Công văn số 1808/SGDDĐT-QLCL ngày 15/6/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Đà Nẵng)

TT	Học sinh trường	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	HT6	RL6	HT7	RL7	HT8	RL8	HT9	RL9	Điểm			Điểm số các bài thi			Điểm xét tuyển (1)+(2)+(3) +(4)+(5)+(6)	Số báo danh/ Tên Hội đồng coi thi
													RL, HT 4 năm (1)	UT (2)	KK (3)	Ngữ văn (4)	Ngoại ngữ (5)	Toán (6)		
325	THCS Đặng Thai Mai	TRẦN QUỐC	THẮNG	22/04/2010	K	T	T	T	T	T	T	T	9,75			5,00	7,00	9,00	30,75	031486-THCS &THPT Nguyễn Khuyến
326	THCS Trần Hưng Đạo	NGÔ LÊ MINH	NHẬT	14/06/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,75	6,88	6,00	30,63	031116-THCS &THPT Nguyễn Khuyến
327	THCS Nguyễn Hồng ánh	ĐẶNG HỮU	THIỆN	09/03/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,50	6,13	8,00	30,63	031499-THCS &THPT Nguyễn Khuyến
328	THCS Nguyễn Hồng ánh	VÕ QUỐC	DANH	23/01/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			5,75	6,13	8,75	30,63	030203-THPT Cẩm Lệ
329	THCS Nguyễn Văn Linh	LÊ THỊ BẢO	TRÂN	03/05/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,25	5,88	8,50	30,63	031704-THPT Nguyễn Văn Thoại
330	THCS Trần Hưng Đạo	NGUYỄN NHƯ	BẢO	25/05/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,50	5,50	8,50	30,50	080170-THPT Phan Châu Trinh
331	THCS Nguyễn Hồng ánh	NGÔ ĐẶNG MY	PHA	15/04/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,50	7,25	6,75	30,50	031204-THCS &THPT Nguyễn Khuyến
332	THCS Nguyễn Văn Linh	NGUYỄN HỮU HOÀNG	ĐỨC	09/04/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,25	5,25	9,00	30,50	080390-THPT Phan Châu Trinh
333	THCS Nguyễn Phú Hường	HUỲNH BÁ	HÙNG	23/04/2010	K	T	K	T	K	T	T	T	9,25			7,00	6,50	7,75	30,50	030600-THPT Phan Thành Tài
334	THCS Nguyễn Phú Hường	TÁN THỊ TRÀ	MY	24/01/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			4,75	6,75	9,00	30,50	030945-THCS &THPT Nguyễn Khuyến
335	THCS Nguyễn Văn Linh	NGÔ THÙY	AN	17/02/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,00	7,50	6,00	30,50	030011-THPT Cẩm Lệ
336	THCS Nguyễn Văn Linh	PHẠM TRƯỜNG	AN	26/01/2010	T	T	K	T	T	T	T	T	9,75			6,50	7,50	6,75	30,50	030022-THPT Cẩm Lệ
337	THCS Nguyễn Thiện Thuật	NGUYỄN PHƯƠNG	THÙY	11/10/2010	K	T	T	T	T	T	T	T	9,75			6,75	7,75	6,25	30,50	031548-THCS &THPT Nguyễn Khuyến
338	THCS Lý Thường Kiệt	TRẦN LÊ TÂM	NHƯ	30/01/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,50	6,88	7,00	30,38	081518-THCS Kim Đồng
339	THCS Nguyễn Hồng ánh	TRẦN THANH	TRÚC	08/03/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,25	7,38	6,75	30,38	031792-THPT Nguyễn Văn Thoại
340	THCS Nguyễn Văn Linh	HUỲNH ĐOÀN KHÁNH	NGÂN	13/04/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,50	6,38	6,50	30,38	030979-THCS &THPT Nguyễn Khuyến
341	THCS Nguyễn Thiện Thuật	HỒ THỊ QUỲNH	NHƯ	11/01/2010	K	T	T	T	T	T	T	T	9,75			5,50	7,38	7,75	30,38	031166-THCS &THPT Nguyễn Khuyến
342	THCS Nguyễn Công Trứ	TRẦN NGUYỄN HỮU DUY	NHẤT	01/01/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,25	5,63	7,50	30,38	031112-THCS &THPT Nguyễn Khuyến
343	THCS Nguyễn Công Trứ	TRẦN THANH	HÙNG	13/09/2010	K	T	K	T	T	T	T	T	9,50			6,50	6,13	8,25	30,38	030618-THPT Phan Thành Tài
344	THCS Trần Quý Cáp	NGUYỄN THANH DANH	NGỌC	08/05/2010	K	T	T	T	T	T	K	T	9,50			6,75	6,38	7,75	30,38	031040-THCS &THPT Nguyễn Khuyến
345	THCS Nguyễn Bình Khiêm	MAI NGUYỄN QUỲNH	NHƯ	15/03/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,00	8,00	6,25	30,25	031172-THCS &THPT Nguyễn Khuyến
346	THCS Nguyễn Bình Khiêm	NGÔ VŨ KIỀU	ANH	06/11/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,75	7,00	6,50	30,25	080078-THPT Phan Châu Trinh
347	THCS Nguyễn Văn Linh	LÂM VÕ MINH	HUÂN	13/02/2010	K	T	T	T	T	T	T	T	9,75			6,25	6,25	8,00	30,25	080612-THPT Phan Châu Trinh
348	THCS Nguyễn Thị Minh	LÊ ĐẶNG HẢI	NGUYỄN	15/08/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			5,25	7,38	7,50	30,13	031064-THCS &THPT Nguyễn Khuyến
349	THCS Nguyễn Hồng ánh	VÕ VĂN	HOÀNG	02/07/2010	T	T	T	T	T	T	T	K	9,75			7,00	6,88	6,50	30,13	080607-THPT Phan Châu Trinh
350	THCS,THPT Nguyễn Khuyến	LÊ VĂN GIA	KHANG	21/01/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			5,50	7,75	6,75	30,00	080759-THPT Phan Châu Trinh
351	THCS Tây Sơn	NGUYỄN HOÀNG	NAM	18/02/2010	K	T	T	T	T	T	T	T	9,75			5,75	7,25	7,25	30,00	030964-THCS &THPT Nguyễn Khuyến
352	THCS Tây Sơn	NGUYỄN VĂN HOÀNG	PHÁT	09/04/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			5,00	6,75	8,25	30,00	031216-THCS &THPT Nguyễn Khuyến
353	THCS Nguyễn Bình Khiêm	LUU VĂN	THÀNH	12/09/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,00	5,00	8,00	30,00	031440-THCS &THPT Nguyễn Khuyến
354	THCS Nguyễn Văn Linh	LÊ PHƯƠNG	DUNG	03/04/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,50	5,00	7,50	30,00	030220-THPT Cẩm Lệ
355	THCS Nguyễn Văn Linh	HUỲNH LÊ KIM	NGÂN	11/09/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,75	5,00	8,25	30,00	030980-THCS &THPT Nguyễn Khuyến
356	THCS Nguyễn Phú Hường	VÕ NGUYỄN NGÂN	HÀ	19/02/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,75	5,50	6,75	30,00	030343-THPT Cẩm Lệ
357	THCS Nguyễn Phú Hường	NGUYỄN LÊ NHÃ	KỶ	06/08/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			8,25	5,25	6,50	30,00	030757-THPT Phan Thành Tài
358	THCS Nguyễn Văn Linh	TRẦN THỊ BẢO	HÂN	21/03/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,00	7,00	6,00	30,00	030398-THPT Cẩm Lệ
359	THCS Nguyễn Văn Linh	ĐẶNG TRẦN TUYẾT	LY	17/10/2010	T	T	K	T	K	T	K	T	9,25			5,00	8,00	7,75	30,00	030861-THPT Phan Thành Tài
360	THCS Nguyễn Văn Linh	NGUYỄN NGỌC CẨM	VÂN	20/01/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,00	6,25	7,75	30,00	031866-THPT Nguyễn Văn Thoại

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỂM CHUẨN VÀO LỚP 10 THPT
TRƯỜNG THPT HÒA VANG

(Danh sách sắp xếp theo thứ tự điểm xét tuyển từ cao xuống thấp - Đủ điểm chuyển nguyện vọng 1)
(Kèm theo Công văn số 1808/SGDDĐT-QLCL ngày 15/6/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Đà Nẵng)

TT	Học sinh trường	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	HT6	RL6	HT7	RL7	HT8	RL8	HT9	RL9	Điểm			Điểm số các bài thi			Điểm xét tuyển (1)+(2)+(3) +(4)+(5)+(6)	Số báo danh/ Tên Hội đồng coi thi
												RL, HT 4 năm (1)	UT (2)	KK (3)	Ngữ văn (4)	Ngoại ngữ (5)	Toán (6)		
361	THCS Nguyễn Thiện Thuật	NGUYỄN VĂN ĐA	04/04/2010	K	T	K	T	K	T	T	T	9,25			6,25	6,00	8,50	30,00	030282-THPT Cẩm Lệ
362	THCS Nguyễn Thiện Thuật	NGUYỄN THIÊN LÂM	14/06/2010	K	T	T	T	T	T	T	T	9,75			4,50	7,00	8,75	30,00	030771-THPT Phan Thành Tài
363	THCS Nguyễn Thiện Thuật	PHẠM VÕ PHƯƠNG DUNG	26/07/2010	K	T	T	T	K	T	K	T	9,25			6,50	6,25	8,00	30,00	030223-THPT Cẩm Lệ
364	THCS Trần Quý Cáp	ĐẶNG NGỌC PHÚC HUNG	23/02/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			5,25	8,00	6,75	30,00	030597-THPT Phan Thành Tài
365	THCS Đặng Thai Mai	NGÔ BẢO CHÂU	02/11/2010	K	T	T	T	K	T	T	T	9,50			5,25	7,25	8,00	30,00	030162-THPT Cẩm Lệ
366	THCS Lý Thường Kiệt	NGUYỄN NGỌC MAI CHI	13/11/2010	K	T	K	T	T	T	K	T	9,25			7,25	6,88	6,50	29,88	080253-THPT Phan Châu Trinh
367	THCS,THPT Nguyễn Khuyến	NGUYỄN MỸ PHƯƠNG	18/12/2010	K	T	K	K	K	T	T	T	9,00			7,00	7,25	6,50	29,75	031289-THCS &THPT Nguyễn Khuyến
368	THCS Tây Sơn	NGUYỄN HOÀI BẢO NGỌC	16/10/2010	K	T	K	T	K	T	T	T	9,25			5,75	6,75	8,00	29,75	031032-THCS &THPT Nguyễn Khuyến
369	THCS Trần Hưng Đạo	ĐÀO ĐÀM THỰC	24/02/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,00	6,00	7,75	29,75	081829-THCS Kim Đồng
370	THCS Hồ Nghinh	PHAN NGUYỄN HUNG	14/07/2010	K	T	K	T	T	T	T	T	9,50			7,00	4,75	8,50	29,75	030612-THPT Phan Thành Tài
371	THCS Nguyễn Phú Hường	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG OANH	24/01/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			6,50	6,50	6,75	29,75	031200-THCS &THPT Nguyễn Khuyến
372	THCS Nguyễn Phú Hường	HỒ ĐÌNH TRIỆU VỸ	09/07/2010	T	T	K	T	T	T	T	T	9,75			6,75	6,50	6,75	29,75	031940-THPT Nguyễn Văn Thoại
373	THCS Nguyễn Văn Linh	LÊ VĂN SỸ	03/04/2010	K	T	K	T	K	T	T	T	9,25			5,50	7,00	8,00	29,75	031404-THCS &THPT Nguyễn Khuyến
374	THCS Nguyễn Thiện Thuật	NGUYỄN THỊ KHÁNH ĐAN	05/11/2010	T	T	T	T	T	T	T	T	10,00			7,00	4,50	8,25	29,75	080349-THPT Phan Châu Trinh
375	THCS Nguyễn Công Trứ	TRẦN VŨ TUẤN	25/09/2010	K	T	T	T	T	T	T	T	9,75			6,50	6,50	7,00	29,75	031811-THPT Nguyễn Văn Thoại
376	THCS Đặng Thai Mai	DƯƠNG HOÀNG MINH THU	16/06/2010	K	T	T	T	T	T	T	T	9,75			6,75	5,25	8,00	29,75	081831-THCS Kim Đồng

Danh sách theo nguyện vọng 1 có 376 thí sinh đủ điểm chuẩn.